

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Quản trị kinh doanh

*(Ban hành theo Quyết định số:2264/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

Ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 7340101

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**
- Tên tiếng Anh: **Business Administration**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Business Administration

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về quản lý và quản trị kinh doanh nhằm giúp người học có tư duy hệ thống logic, khả năng chuyển tải kiến thức thành những kỹ năng nghề nghiệp, tổ chức cá nhân, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, phản biện và tư vấn chính sách, kỹ năng giao tiếp và thiết lập những mối quan hệ thành công trong các lĩnh vực quản lý và quản trị kinh doanh. Đồng thời, giúp người học xây dựng những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp, có khả năng thiết kế, vận hành và quản lý các ý tưởng kinh doanh vào cuộc sống. Những mục tiêu chung này được chuyển tải cụ thể vào trong kết quả học tập mong đợi. Đồng thời có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc; có kỹ năng tin học, tiếng anh giao tiếp và chuyên môn thành thạo.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

PO1: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

PO2: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới.

PO3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc.

PO4: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

PO5: Người học có ngoại ngữ Tiếng anh TOEIC đạt 450 và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc; có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.

PO6: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập.

PO7: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật và có sức khỏe tốt.

PO8: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Thực hiện theo Quyết định số: 2251/QĐ-ĐHLĐXH ngày 12/8/2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	25	20.66

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	26	21.49
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	33	27.27
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	26	21.49
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5.79
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9.09
1.4.3	Pháp luật	2	1.65
1.4.4	Tin học	6	4.96
1.5	Kiến thức khác ngành	2	1.65
1.6	Kiến thức đại cương khác	9	7.44
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	9	7.44
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				25						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			23						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics Theory	2	2				TCC11122L, TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	2					
1.1.1.6	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting principles 1	2	2					
1.1.1.7	QTHO0522H	Quản trị học	Administration Theory	2	2					
1.1.1.8	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	Money and Finance	2	2					
1.1.1.9	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	Organizational Theory	3	3					
1.1.1.10	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	International economic	2	2					
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/3)			2						
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2					
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture		2					
1.1.2.3	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	Development economics		2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				26						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			24						
1.2.1.1	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3	3					
1.2.1.2	QMAR0523H	Quản trị marketing	Marketing management	3	3					
1.2.1.3	QTSX0523H	Quản trị sản xuất	Production Management	3	3					
1.2.1.4	QTCU0523H	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	3	3					
1.2.1.5	QTNL0223H	Quản trị nhân lực	Human Resource Management	3	3					
1.2.1.6	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance Management	3	3					
1.2.1.8	KSKD0523H	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	Startup and business establishment	3	3					
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.2.2.1	QTTĐ0522H	Quản trị sự thay đổi	Change Management	2	2					
1.2.2.2	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	Stock market		2					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				33						
1.3.1	Các học phần bắt buộc			21						
1.3.1.1	QTTT0522H	Quản trị truyền thông	Communication Administration	2	2					
1.3.1.2	QTDA0522H	Quản trị dự án	Project management	2	2					
1.3.1.3	QTCL0522H	Quản trị chất lượng	Quality Management	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.1.4	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	E-commerce	2	2					
1.3.1.5	LGYS0522H	Logistics	Logistics	2	2					
1.3.1.6	RRKD0522H	Quản trị rủi ro kinh doanh	Business risk administration	2	2					
1.3.1.7	PMQK0523T	Phần mềm quản trị kinh doanh	Business administration software	3	3					
1.3.1.8	KNLĐ0522H	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	Leadership skills and business decision-making	2	2					
1.3.1.9	KNĐP0522H	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	Business communication and negotiation skills	2	2					
1.3.1.10	KNLV0522H	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	Teamwork and management in business	2	2					
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 1/3)			2						
1.3.2.1	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	Credit and Settlement	2	2					
1.3.2.2	KNPV0522H	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	Behavioiring and interviewing skills		2					
1.3.2.3	NVKD0522H	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Import and export business operations		2					
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4		

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6						
1.3.4.1	KHKD0523H	Kế hoạch kinh doanh	Business Planning	3	3					
1.3.4.2	CTYG0523H	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	Multinational company and global business strategy	3	3					
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				25						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				7						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced mathematics 1	2	2					
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced mathematics 1	2	2					
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	2					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	3					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				6						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.4.1.3	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	Analytics with SPSS	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				5						
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text Editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology		2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic		2					
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology		2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.5.1.4	KTQT0123H	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3					
1.6 Kiến thức đại cương khác				9						
1.6.1 Ngoại ngữ				9						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	English for Business Administration	2	2					
1.6.1.4	TOEI0622H	Thực hành TOEIC	TOIEC Practice	2	2					
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)				3		3				
	Các học phần bắt buộc									
1.6.2.1	TDĐK1421T	Thể dục điền kinh	Gymnastics and Athletics							
	Các học phần tự chọn (chọn 2/6)									
1.6.2.2	BOC11421T	Bóng chuyền 1	VOLLEY BALL 1							
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	VOLLEY BALL 2							
1.6.2.4	BOR11421T	Bóng rổ 1	BASKETBALL 1							
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	BASKETBALL 2							
1.6.2.6	CLOL11421T	Cầu lông 1	BADMINTON 1							
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	BADMINTON 2							
	Các học phần dành cho sinh viên có vấn đề về sức khỏe									

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.6.2.8	COV11421L	Cờ vua 1	CHESS 1							
1.6.2.9	COV21421L	Cờ vua 2	CHESS 2							
1.6.2.10	COV31421L	Cờ vua 3	CHESS 3							
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party							
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security							
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	Quân sự chung							
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics							
Tổng cộng				121						

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1	Kinh tế vi mô	3		3						
2	Kinh tế vĩ mô	3			3					
3	Nguyên lý thống kê	2		2						
4	Luật Kinh tế	2				2				
5	Marketing căn bản	2			2					
6	Nguyên lý kế toán 1	2			2					
7	Quản trị học	2			2					
8	Tài chính - Tiền tệ	2							2	
9	Lý thuyết tổ chức	3				3				
10	Kinh tế quốc tế	2				2				
11	Kinh tế lượng	2				2				
12	Văn hóa doanh nghiệp									
13	Kinh tế phát triển									
14	Quản trị chiến lược	3				3				
15	Quản trị marketing	3				3				
16	Quản trị sản xuất	3					3			
17	Quản trị chuỗi cung ứng	3							3	
18	Quản trị nhân lực	3					3			
19	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3					3			
20	Kế toán quản trị	3					3			
21	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	3					3			
22	Quản trị sự thay đổi	2						2		
23	Thị trường chứng khoán									
24	Quản trị truyền thông	2						2		
25	Quản trị dự án	2							2	
26	Quản trị chất lượng	2						2		
27	Thương mại điện tử	2						2		
28	Logistics	2						2		
29	Quản trị rủi ro kinh doanh	2						2		
30	Phần mềm quản trị kinh doanh	3							3	
31	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết	2							2	

	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	định kinh doanh									
32	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	2						2		
33	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	2						2		
34	Tín dụng và thanh toán	2							2	
35	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm									
36	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu									
37	Thực tập cuối khóa	4								4
38	Kế hoạch kinh doanh	3								3
39	Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	3								3
40	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
41	Toán cao cấp 1	2	2							
42	Toán cao cấp 2	2		2						
43	Lý thuyết xác suất và TK toán	3			3					
44	Triết học Mác - Lênin	3	3							
45	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		2						
46	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							
47	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2		2						
48	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2							
49	Pháp luật đại cương	2		2						
50	Tin học cơ bản 1	2	2							
51	Tin học cơ bản 2	2		2						
52	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	2							2	
53	Soạn thảo văn bản	2			2					
54	Phương pháp luận NCKH									
55	Logic học									
56	Tâm lý học đại cương									
57	Tiếng Anh cơ bản 1	2		2						

	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
58	Tiếng Anh cơ bản 2	3			3					
59	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	2				2				
60	Thực hành TOEIC	2					2			
61	Giáo dục thể chất	3	3							
62	An ninh quốc phòng (165 tiết)									
	Tổng cộng		11	17	17	17	17	16	16	10

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

1. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Kinh tế vi mô được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung của học phần đi sâu vào những vấn đề cơ bản của thị trường như cung- cầu, độ co giãn, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận) và cấu trúc thị trường..

2. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại...

3. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản sau: Những vấn đề chung về Thống kê học; Điều tra Thống kê; Điều tra chọn mẫu; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích Hồi quy và Tương quan; Phương pháp phân tích Dãy số thời gian; Chỉ số.

4. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Marketing căn bản là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về

marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức học phần sinh viên có thể phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường. Học phần còn giúp cho người học nắm bắt được 4 công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp (Marketing - mix): Chính sách sản phẩm (Product), Chính sách giá (Price), Chính sách phân phối (Place) và Chính sách Xúc tiến hỗn hợp (Promotion).

6. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này mô tả những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Bước đầu nghiên cứu kế toán các hoạt động kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.

7. Quản trị học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị tổ chức; Các lý thuyết quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Chức năng lập kế hoạch; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm soát.

8. Tài chính tiền tệ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản như: Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lạm phát, lãi suất, tín dụng và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại.

9. Lý thuyết tổ chức

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung về tổ chức; các yếu tố về mục tiêu, chiến lược, hiệu quả tổ chức, môi trường bên ngoài tổ chức đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, công nghệ tổ chức, công nghệ thông tin trong tổ chức, quy mô và vòng đời tổ chức đồng thời phân tích mối quan hệ của chúng với thiết kế cấu trúc tổ chức.

10. Kinh tế quốc tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm và hoạt động của đầu tư quốc tế; những cơ hội thách thức mà các công ty phải đối mặt trong toàn cầu hóa, môi trường kinh doanh quốc tế khi tham gia vào hoạt động kinh doanh toàn cầu, đó là sự đa dạng của môi trường hoạt động với những yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật...

11. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp

lượng hoá một mô hình kinh tế , hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hội quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế

12. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp, các biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử trong kinh doanh, đạo đức kinh doanh, xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

13. Kinh tế phát triển

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng của môn Kinh tế phát triển; Lý luận phát triển và phát triển bền vững kinh tế; Các mô hình tăng trưởng kinh tế; Tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Các mô hình lý thuyết về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; Khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển.

14. Quản trị chiến lược

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Quản trị chiến lược cung cấp những kiến thức cơ bản với các nội dung chính: Tổng quan về quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh; Các loại chiến lược trong kinh doanh; Lựa chọn và thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

15. Quản trị marketing

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát về marketing và quản trị marketing, Xây dựng kế hoạch chiến lược marketing, Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, Hoạch định chiến lược marketing, Quản trị các chương trình marketing – mix, Tổ chức, thực hiện và điều khiển các hoạt động marketing..

16. Quản trị sản xuất

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Quản trị sản xuất cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm; Thiết kế sản phẩm và lựa chọn quy trình sản xuất; Hoạch định công suất; Định vị doanh nghiệp và bố trí sản xuất trong doanh nghiệp; Hoạch định tổng hợp; Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp; Quản trị dự trữ.

17. Quản trị chuỗi cung ứng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu về Quản trị chuỗi cung ứng; Quản trị hậu cần; Quản trị hàng tồn kho; Liên kết chuỗi cung ứng; Các vấn đề quốc tế và phối hợp quốc tế; Giá trị khách hàng qua chuỗi cung ứng.

18. Quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị nhân lực; Kiến thức về định hướng xây dựng chính sách nhân sự; Các nghiệp vụ cơ bản mà các nhà quản trị trong tương lai phải thực hiện như phân tích công việc, định mức lao động và hoạch định nhân sự; tuyển dụng nhân lực, sử dụng phân lực; quản lý đánh giá quá trình thực hiện công việc của người lao động, đào tạo nhân lực; thù lao lao động.

19. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp; quản trị tài sản ngắn hạn; quản trị tài sản dài hạn; nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

20. Kế toán quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định.

21. Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khởi sự và tinh thần kinh doanh: Kỹ năng hình thành ý tưởng kinh doanh của người khởi sự kinh doanh, các khâu công việc cơ bản trong quá trình soạn thảo kế hoạch kinh doanh, kỹ thuật và các nội dung cần làm khi thành lập doanh nghiệp, kỹ năng cơ bản tái lập doanh nghiệp, tinh thần kinh doanh

22. Quản trị sự thay đổi

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi; Nhận diện và nghiên cứu sự thay đổi; Hoạch định sự thay đổi; Tổ chức thực hiện sự thay đổi; Kiểm soát và hướng tới sự thay đổi liên tục.

23. Thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán.

24. Quản trị truyền thông

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Quản trị Truyền thông trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản

về Truyền thông trong doanh nghiệp, với các nội dung chính như: Nghiên cứu đối tượng truyền thông, soạn thảo thông điệp truyền thông sáng tạo, sử dụng công cụ truyền thông phù hợp, quản trị quá trình thực hiện một cách chặt chẽ và hiệu quả.

25. Quản trị dự án

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị dự án: Tổng quan về quản trị dự án đầu tư; Lập kế hoạch dự án đầu tư; Quản trị thời gian và tiến độ dự án; Phân phối các nguồn lực cho dự án; Dự toán ngân sách dự án.

26. Quản trị chất lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Quản trị chất lượng giới thiệu những khái niệm, nội dung cơ bản về chất lượng, quản trị chất lượng, các hệ thống quản trị chất lượng như ISO 9000, TQM, HACCP, ISO 14000, ... và cung cấp một số công cụ kiểm soát chất lượng, chi phí chất lượng. Môn học này cũng chỉ rõ hoạt động quản trị chất lượng phải tập trung vào việc đề ra mục tiêu chất lượng rồi thiết lập kế hoạch, kiểm soát, đảm bảo và cải tiến chất lượng.

27. Thương mại điện tử

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Thương mại điện tử. Học phần này bao gồm các nội dung như: khái niệm, vai trò và lịch sử phát triển của TMĐT, các cơ sở hạ tầng thiết yếu của TMĐT, các phương thức kinh doanh TMĐT, giao dịch điện tử, marketing điện tử; các vấn đề an ninh và phòng tránh rủi ro trong TMĐT. Phương pháp học tập, nghiên cứu chủ yếu của môn học này là phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp toán, phương pháp nghiên cứu, thảo luận và giải quyết các tình huống.

28. Logistics

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Logistics trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động logistic trong doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chính: dịch vụ khách hàng trong logistic, hệ thống thông tin logistic, những vấn đề cơ bản về vận tải, các quyết định vận tải, quyết định dự trữ, quyết định mua và cung ứng, tổ chức logistic, kiểm soát logistic.

29. Quản trị rủi ro kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Môn học này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản nhất liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc trong quản trị rủi ro, đặc biệt là quản trị rủi ro trong các nghiệp vụ kinh doanh. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro thương hiệu, rủi ro trong đầu tư,... cũng được giới thiệu trong môn học để người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro đối với những đối tượng này

30. Phần mềm quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức sau: Tổng quan về hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp; Giới thiệu các phân hệ của hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp; Các phân hệ điển hình của hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp.

31. Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức sau: Khái quát về người lãnh đạo và hoạt động lãnh đạo trong tổ chức; kỹ năng hoạch định; kỹ năng ủy quyền, trao quyền; kỹ năng động viên nhân viên làm việc; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng quản trị sự thay đổi.

32. Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giao tiếp kinh doanh và đặc trưng của giao tiếp kinh doanh, các nguyên tắc sử dụng trong giao tiếp kinh doanh và chức năng của giao tiếp, cấu trúc của hoạt động giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp kinh doanh; Khái niệm, đặc trưng của đàm phán kinh doanh, các giai đoạn trong tiến trình đàm phán kinh doanh; kỹ thuật đột phá thế Găng trong đàm phán kinh doanh

33. Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm và quản trị nhóm trong kinh doanh: Khái niệm, vai trò của nhóm trong kinh doanh; Cách thức tổ chức hoạt động của nhóm trong kinh doanh; Lãnh đạo nhóm kinh doanh; Các kỹ năng giúp nâng cao hiệu quả làm việc nhóm và làm việc trong nhóm đa văn hóa

34. Tín dụng và thanh toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này đề cập đầy đủ về quy trình cấp tín dụng cho khách hàng, nghiệp vụ bảo đảm tín dụng và nội dung phân tích tín dụng; quy trình thanh toán các phương tiện, phương thức thanh toán trong nước và quốc tế.

35. Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức về quy trình tuyển dụng, vai trò, nguyên tắc của việc ứng xử và phỏng vấn xin việc; Các kỹ năng chuẩn bị cho buổi phỏng vấn xin việc, giao tiếp ứng xử trong khi phỏng vấn xin việc và kỹ năng ứng xử trong thời gian tuyển dụng và sau khi được tuyển dụng chính thức.

36. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động xuất nhập khẩu, các phương thức kinh doanh thương mại quốc tế; Ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế; Các điều kiện và phương thức thanh toán quốc tế.

37. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần thực tập cuối khóa tạo tiền đề cho sinh viên ứng dụng những kiến

thức và kinh doanh và quản trị vào thực tiễn, giúp sinh viên tham gia nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm giải quyết một vấn đề nhất định mà thực tiễn sản xuất, kinh doanh và quản trị tổ chức đặt ra. Sinh viên sẽ có điều kiện ứng dụng các kiến thức và kỹ năng đã nghiên cứu vào thực tiễn quản trị một ngân hàng, một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hay doanh nghiệp thương mại, hoặc vào một tổ chức thuộc lĩnh vực nào đó.

38. Kế hoạch kinh doanh

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Kế hoạch kinh doanh nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kế hoạch kinh doanh; Quy trình và tổ chức lập kế hoạch kinh doanh; Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh và phương pháp lập các kế hoạch thành phần: Kế hoạch Marketing, Kế hoạch sản xuất vận hành/cung cấp dịch vụ; Kế hoạch nhân sự; Kế hoạch tài chính và Đánh giá rủi ro và chất lượng của kế hoạch kinh doanh.

39. Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm và hoạt động của công ty đa quốc gia; quyết định thâm nhập thị trường toàn cầu và chiến lược kinh doanh toàn cầu. Học phần nhấn mạnh đến những thách thức mà công ty đa quốc gia phải đối mặt khi tham gia vào hoạt động kinh doanh toàn cầu, đó chính là sự đa dạng của môi trường hoạt động với những yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật...rất khác nhau ở những quốc gia khác nhau. Từ đó giúp người học có thể vận dụng để phân tích những cơ hội, thách thức để lựa chọn chiến lược phù hợp, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp trên thị trường.

40. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh. Khóa luận được hoàn thành phải cho thấy những tri thức được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học

41. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức sau: Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Học phần cũng cung cấp cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến

tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành

42. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

43. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về học phần lý thuyết xác suất thống kê nhằm rèn luyện cho người học khả năng tư duy logic, khả năng phân tích, khả năng tính toán định lượng cũng như trang bị cho người học các công cụ, các kỹ năng tính toán phục vụ cho việc học các học phần cơ sở, chuyên ngành.

44. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

45. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

46. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc thành 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư

tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

47. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương trình bày về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); và Chương tổng kết.

48. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 7 chương, trình bày nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội..

49. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; Hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam; Pháp chế xã hội chủ nghĩa; pháp luật về phòng chống tham nhũng.

50. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về tin học để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc tương đương.

51. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở dữ liệu (Database), cơ sở dữ liệu quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

52. Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS

Số tín chỉ: 02

Học phần Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS cung cấp một cách có hệ thống các kỹ năng cần thiết khi phân tích dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, bao gồm: Cách tổ chức và nhập liệu cho các dữ liệu sơ cấp thu thập trong các cuộc điều tra thống kê; Cách trình bày tóm tắt dữ liệu nghiên cứu bằng bảng biểu, đồ thị, đại lượng thống kê...; các phương pháp phân tích dữ liệu trên một biến hoặc nhiều biến kết hợp với nhau

53. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng; Những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; Khái niệm, đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt và một số loại văn bản hành chính thông thường.

54. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 8 chương, trình bày những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học, nhất là bài báo khoa học và khóa luận tốt nghiệp; Cách tổ chức thực hiện đề tài và đánh giá đề tài; Đạo đức khoa học; Đánh giá nghiên cứu khoa học.

55. Logic học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Logic học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của Trường đại học Lao động - Xã hội gồm 06 chương, trình bày những kiến thức cơ bản của môn Logic học, trong đó cung cấp những kiến thức sau: đối tượng và ý nghĩa của Logic học, khái niệm, phán đoán, Những quy luật cơ bản của Logic hình thức, suy luận, chứng minh, bác bỏ và giả thuyết nhằm rèn luyện và hình thành cho sinh viên thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học từ đó định hướng hoạt động thực tiễn.

56. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người..

57. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2

chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc..

58. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

59. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học các thuật ngữ Phương pháp luận nghiên cứu khoa học liên quan đến những lĩnh vực quan trọng trong quản trị kinh doanh như marketing quốc tế, kế hoạch kinh doanh, hành vi tổ chức, kỹ năng quản lý và lãnh đạo,...

60. Thực hành TOEIC

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

61. Thể dục - Điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về bài tập phát triển chung 13 động tác. Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao.

62. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

63. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

64. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

65. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách

thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

66. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

67. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu, Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái.

68. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua. Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

69. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1. Giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

70. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1. Giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

71. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

72. Công tác Quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng

chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

73. Quân sự chung

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp

74. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ VI MÔ

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Kinh tế vi mô Tên tiếng Anh: Microeconomics
2. Mã học phần	ViMO0523H
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) TLM1: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Học theo tình huống (Case Study) – TLM9: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu. - Học nhóm (Teamwork Learning) – TLM10: Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) – TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản trị kinh doanh
8. Mục tiêu của học phần	

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	+ Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô.	PLO1	3/6
G2	+ Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ.	PLO6	4/6
G3	+ Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất...) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau.	PLO6	4/6
G4	+ Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày.	PLO11	4/5
G5	+ Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	PLO12	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần (các mục tiêu hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T,U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng)			
CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	
CLO1	Sinh viên nhớ được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô.	I	
CLO2	Sinh viên hiểu được cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ.	T	
CLO3	Sinh viên có khả năng vận dụng các lý thuyết kinh	T,U	

	tế vi mô để phân tích/giải thích hoặc đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu trong tiêu dùng, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp.	
CLO4	Sinh viên có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày.	I,T,U
CLO5	Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	I

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh tế vi mô được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung của học phần đi sâu vào những vấn đề cơ bản của thị trường như cung- cầu, độ co giãn, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận) và cấu trúc thị trường.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	CĐR Môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1-3 (3 giờ TC)	CHƯƠNG I. KINH TẾ VI MÔ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NỀN KINH TẾ			
	1.1. Tổng quan về kinh tế học 1.1.1 Khái niệm về kinh tế học 1.1.2 Các bộ phận của kinh tế học	CLO1 CLO2	Dạy: Thuyết giảng/ Giải thích cụ thể	AM1 AM2
	1.2 Nền kinh tế 1.2.1 Những vấn đề kinh tế cơ bản 1.2.2 Các thành viên tham gia vào nền kinh tế 1.2.3 Mô hình nền kinh tế	CLO1 CLO2	Học: Nghe giảng/ Ghi chú	AM1 AM2
	1.3 Lý thuyết lựa chọn kinh tế 1.3.1 Chi phí cơ hội 1.3.2 Quy luật chi phí cơ hội tăng	CLO1 CLO2 CLO4		AM1 AM2

	dẫn và đường giới hạn khả năng sản xuất 1.3.3 Quy luật khan hiếm và hiệu quả kinh tế 1.3.4 Phân tích cận biên 1.4 Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô			
4-13 (10 giờ TC)	CHƯƠNG II. LÝ THUYẾT CUNG, CẦU VỀ HÀNG HÓA – DỊCH VỤ			
	2.1 Cầu về hàng hóa – dịch vụ 2.1.1 Các khái niệm 2.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới cầu và lượng cầu hàng hóa – dịch vụ 2.1.3 Hàm số cầu 2.1.4 Sự vận động và dịch chuyển đường cầu	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: Giải thích cụ thể Thuyết giảng Học theo tình huống Bài tập ở nhà	AM1 AM2
	2.2 Cung về hàng hóa – dịch vụ 2.2.1 Các khái niệm 2.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới cung và lượng cung hàng hóa – dịch vụ 2.2.3 Hàm số cung 2.2.4 Sự vận động và dịch chuyển đường cung	CLO1 CLO2 CLO3	Học: Đọc trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) Lắng nghe/ghi chú trao đổi nhóm/trình bày phân tích tình huống	AM1 AM2
	2.3 Cân bằng cung cầu về hàng hóa – dịch vụ 2.3.1 Trạng thái cân bằng cung – cầu về hàng hóa dịch vụ 2.3.2 Trạng thái dư thừa và thiết hụt của thị trường 2.3.3 Sự thay đổi trạng thái cân bằng 2.3.4 Thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		AM1 AM2
	2.4 Ảnh hưởng của chính sách giá và thuế đến thị trường	CLO1 CLO2 CLO3		AM1 AM2
14-18 (5 giờ TC)	CHƯƠNG III. ĐỘ CO GIÃN			
	3.1 Khái niệm, công thức xác định độ co giãn	CLO1 CLO2	Dạy: Giải thích cụ	AM1 AM2

	3.1.1 Khái niệm độ co giãn 3.1.2 Công thức xác định độ co giãn		thể Học nhóm Bài tập ở nhà	
	3.2 Độ co giãn của cầu 3.2.1 Độ co giãn của cầu theo giá 3.2.2 Độ co giãn chéo của cầu theo giá cả hàng hóa liên quan 3.2.3 Độ co giãn của cầu theo thu nhập	CLO1 CLO2 CLO3	Học: Đọc trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) Lắng nghe/ghi chú/trao đổi nhóm/làm bài tập	AM1 AM2
19-26 (8 giờ TC)	CHƯƠNG IV. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG			
	4.1 Lý thuyết lợi ích 4.2 Lựa chọn tiêu dùng tối ưu 4.2.1 Đường bàng quan và đường ngân sách 4.2.2 Tối đa hóa lợi ích tiêu dùng	CLO1 CLO2	Dạy: Giải thích cụ thể Thuyết giảng Bài tập ở nhà	AM1 AM2
	4.3 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng 4.3.1 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng khi có sự thay đổi trong thu nhập 4.3.2 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng khi có sự thay đổi giá cả hàng hóa	CLO1 CLO2 CLO3	Học: Đọc trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) Lắng nghe/ghi chú/làm bài tập	AM1 AM2
27-35 (9 giờ TC)	CHƯƠNG V. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI SẢN XUẤT			
	5.1 Lý thuyết sản xuất 5.1.1 Các khái niệm cơ bản 5.1.2 Hàm sản xuất 5.1.3 Sản xuất trong ngắn hạn 5.1.4 Sản xuất trong dài hạn: đường đồng lượng và bài toán sản xuất	CLO1 CLO2	Dạy: Giải thích cụ thể Thuyết giảng Bài tập ở nhà	AM1 AM2
	5.2 Lý thuyết chi phí 5.2.1 Một số khái niệm cơ bản 5.2.2 Chi phí sản xuất trong ngắn	CLO1 CLO2		AM1 AM2

	hạn 5.2.3 Chi phí sản xuất trong dài hạn (đường đồng phí)		Học: Đọc trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2)	
	5.3 Lý thuyết doanh thu và lợi nhuận 5.3.1 Lý thuyết doanh thu 5.3.2 Lý thuyết lợi nhuận trong ngắn hạn	CLO1 CLO2 CLO3	Lắng nghe/ghi chú/làm bài tập	AM1 AM2
36 (1 giờ TC)	Bài kiểm tra quá trình	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		AM4 AM5
37-45 (9 giờ TC)	CHƯƠNG VI. CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG			
	6.1 Thị trường và phân loại thị trường 6.1.1 Khái niệm thị trường 6.1.2 Phân loại thị trường	CLO1 CLO2	Dạy: Giải thích cụ thể Thuyết giảng	AM1 AM2
	6.2 Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 6.2.1 Khái niệm và đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo 6.2.2 Quyết định sản xuất của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Học theo tình huống Hướng dẫn Bài tập ở nhà	AM1 AM2
	6.3 Độc quyền thuần túy 6.3.1 Khái niệm và nguyên nhân dẫn đến độc quyền 6.3.2 Quyết định của hãng độc quyền trong ngắn hạn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Học: Đọc trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) Lắng nghe/ghi chú/trao đổi nhóm/trình bày phân tích tình huống	AM1 AM2
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CDR môn học (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình	AM1	CLO1, CLO2	10%

	(20%)	AM2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4 AM5	CLO3, CLO4, CLO5	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Doãn Thị Mai Hương, Lương Xuân Dương (2020). <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i> . NXB Lao động - Xã hội. [2] Lương Xuân Dương (2012). <i>Bài tập Kinh tế vi mô</i> . NXB Lao động – Xã hội.		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[3] Vũ Kim Dũng (2009). <i>Giáo trình nguyên lý kinh tế học vi mô</i> . NXB Lao động – xã hội.		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số giờ TC	Nhiệm vụ của sinh viên
	CHƯƠNG I: KINH TẾ VI MÔ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NỀN KINH TẾ 1.1. Tổng quan về kinh tế học 1.1.1 Khái niệm về kinh tế học 1.1.2 Các bộ phận của kinh tế học 1.2 Nền kinh tế 1.2.1 Những vấn đề kinh tế cơ bản 1.2.2 Các thành viên tham gia vào nền kinh tế 1.2.3 Mô hình nền kinh tế 1.3 Lý thuyết lựa chọn kinh tế 1.3.1 Chi phí cơ hội 1.3.2 Quy luật chi phí cơ hội tăng dần và đường giới hạn khả năng sản xuất 1.3.3 Quy luật khan hiếm và hiệu quả kinh tế 1.3.4 Phân tích cận biên 1.4 Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô		6	Đọc trước nội dung Chương I (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3])
	CHƯƠNG II. LÝ THUYẾT CUNG, CẦU VỀ HÀNG HÓA – DỊCH VỤ 2.1 Cầu về hàng hóa – dịch vụ 2.1.1 Các khái niệm		20	Đọc trước nội dung Chương II (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3])

	2.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới cầu và lượng cầu hàng hóa – dịch vụ 2.1.3 Hàm số cầu 2.1.4 Sự vận động và dịch chuyển đường cầu 2.2 Cung về hàng hóa – dịch vụ 2.2.1 Các khái niệm 2.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới cung và lượng cung hàng hóa – dịch vụ 2.2.3 Hàm số cung 2.2.4 Sự vận động và dịch chuyển đường cung 2.3 Cân bằng cung cầu về hàng hóa – dịch vụ 2.3.1 Trạng thái cân bằng cung – cầu về hàng hóa dịch vụ 2.3.2 Trạng thái dư thừa và thiết hụt của thị trường 2.3.3 Sự thay đổi trạng thái cân bằng 2.3.4 Thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất 2.4 Ảnh hưởng của chính sách giá và thuế đến thị trường		Làm bài tập Chương I (tài liệu số [2])
	CHƯƠNG III. ĐỘ CO GIÃN 3.1 Khái niệm, công thức xác định độ co giãn 3.1.1 Khái niệm độ co giãn 3.1.2 Công thức xác định độ co giãn 3.2 Độ co giãn của cầu 3.2.1 Độ co giãn của cầu theo giá 3.2.2 Độ co giãn chéo của cầu theo giá cả hàng hóa liên quan 3.2.3 Độ co giãn của cầu theo thu nhập	10	Đọc trước nội dung Chương III (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3]) Làm bài tập Chương II (tài liệu số [2])
	CHƯƠNG IV. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG 4.1 Lý thuyết lợi ích 4.2 Lựa chọn tiêu dùng tối ưu 4.2.1 Đường bàng quan và đường ngân sách 4.2.2 Tối đa hóa lợi ích tiêu dùng 4.3 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng 4.3.1 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng khi có sự thay đổi trong thu nhập	16	Đọc trước nội dung Chương IV (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3]) Làm bài tập Chương III (tài liệu số [2])

	4.3.2 Sự thay đổi lựa chọn của người tiêu dùng khi có sự thay đổi giá cả hàng hóa		
	CHƯƠNG V. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI SẢN XUẤT 5.1 Lý thuyết sản xuất 5.1.1 Các khái niệm cơ bản 5.1.2 Hàm sản xuất 5.1.3 Sản xuất trong ngắn hạn 5.1.4 Sản xuất trong dài hạn: đường đồng lượng và bài toán sản xuất 5.2 Lý thuyết chi phí 5.2.1 Một số khái niệm cơ bản 5.2.2 Chi phí sản xuất trong ngắn hạn 5.2.3 Chi phí sản xuất trong dài hạn (đường đồng phí) 5.3 Lý thuyết doanh thu và lợi nhuận 5.3.1 Lý thuyết doanh thu 5.3.2 Lý thuyết lợi nhuận trong ngắn hạn	18	Đọc trước nội dung Chương V (tài liệu số [1]) (tài liệu số [3]) Làm bài tập Chương IV (tài liệu số [2])
	CHƯƠNG VI. CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG 6.1 Thị trường và phân loại thị trường 6.1.1 Khái niệm thị trường 6.1.2 Phân loại thị trường 6.2 Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 6.2.1 Khái niệm và đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo 6.2.2 Quyết định sản xuất của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn 6.3 Độc quyền thuần túy 6.3.1 Khái niệm và nguyên nhân dẫn đến độc quyền 6.3.2 Quyết định của hãng độc quyền trong ngắn hạn	20	Đọc trước nội dung Chương VI (tài liệu số [1]) Làm bài tập Chương V (tài liệu số [2])
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Thị Vân Anh	Tiến sĩ	Kinh tế
	Tăng Anh Cường	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Triệu Linh Giang	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Đào Thị Thu Hiền	Thạc sỹ	Kinh tế phát triển
	Bùi Thị Hồng Nhung	Thạc sỹ	Quản trị nhân lực
	Trần Thị Kim Nhung	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Thị Phương Lan	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Đỗ Thị Mỹ Trang	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

	Hoàng Thanh Tùng	Tiến sĩ	Kinh tế
	Nguyễn Xuân Hường	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Lương Xuân Dương	Tiến sĩ	Kinh tế
	Doãn Thị Mai Hương	Tiến sĩ	Kinh tế
	Vũ Thị Thu Hằng	Tiến sĩ	Kinh tế
	Đình Quốc Tuyên	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Bùi Đức Lộc	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Văn Tuyên	Tiến sĩ	Kinh tế
	Hồ Trần Quốc Hải	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Bùi Thị Oanh	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ VĨ MÔ

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Kinh tế vĩ mô Tên tiếng Anh: Macroeconomics
2. Mã học phần	VİMO0523H
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit leaching) - TLM1: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Học theo tình huống (Case Study) – TLM9: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu. - Học nhóm (Teamwork Learning) – TLM10: Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) – TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự

	học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản trị kinh doanh		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	+ Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế.	PLO1	3/6
G2	+ Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản.	PL02	3/6
G3	+ Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng.	PL05	4/6
G4	+ Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ.	PL06	4/6
G5	Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô.	PLO8 PLO9 PLO10	4/5
G6	Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	PL011	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần (các mục tiêu hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T,U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng)			
CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I,T,U)	

CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế.	I
CLO2	Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản.	T
CLO3	Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng.	T,U
CLO4	Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ.	T,U
CLO5	Có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá các hiện tượng và sự kiện, chính sách kinh tế vĩ mô.	T,U
CLO6	Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	I

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại...

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	CDR Môn học (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-3 (3 giờ TC)	Chương I: Tổng quan về kinh tế học vĩ mô		Dạy: Thuyết giảng/ Giải thích cụ thể/Câu hỏi gợi mở	
	1.1. Tổng quan về kinh tế học 1.1.1. Khái niệm kinh tế học 1.1.2. Những nguyên lý của kinh tế học	CLO1		AM1
	1.2. Đối tượng, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu kinh tế vĩ mô 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế vĩ mô 1.2.2. Mục tiêu và công cụ của kinh tế vĩ mô	CLO1, CLO2	Học: Nghe giảng/ Ghi chú/Suy nghĩ/Trả lời	AM1

	1.2.3. Các phương pháp nghiên cứu kinh tế vĩ mô			
4-12 (9 giờ TC)	Chương II: Các chỉ số kinh tế vĩ mô			
	2.1. Tổng sản phẩm trong nước 2.1.1. Khái niệm tổng sản phẩm trong nước (GDP) 2.1.2. Các phương pháp tính tổng sản phẩm trong nước	CLO1, CLO2, CLO3	Dạy: Thuyết giảng/ Giải thích/ Câu hỏi gợi mở/Hướng dẫn làm bài tập ở nhà	AM1 AM2
	2.1.3. Các chỉ tiêu đo lường thu nhập khác 2.1.4. GDP _n , GDP _r , D _{GDP} 2.1.5. Tăng trưởng kinh tế	CLO1, CLO2, CLO3	Học:	AM1 AM2
	2.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 2.2.1. Khái niệm chỉ số giá tiêu dùng 2.3.2. Xây dựng chỉ số giá tiêu dùng 2.3.3. So sánh D _{GDP} và CPI	CLO1, CLO2, CLO3	- Bài tập ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) - Nghe giảng/ Ghi chú/Suy nghĩ/Trả lời/Làm bài	AM1 AM2
13-15 (3 giờ TC)	Chương III: Thất nghiệp			
	3.1. Thất nghiệp và đo lường thất nghiệp 3.1.1. Khái niệm thất nghiệp 3.1.2. Đo lường thất nghiệp	CLO1 CLO2, CLO3,	Dạy: Thuyết giảng/ Giải thích/ Câu hỏi gợi mở/Hướng dẫn làm bài tập ở nhà	AM1 AM2
	3.2. Phân loại thất nghiệp và nguyên nhân 3.2.1. Thất nghiệp tự nhiên và nguyên nhân 3.2.2. Thất nghiệp chu kỳ và nguyên nhân	CLO2, CLO3, CLO5	Học: - Bài tập ở nhà:	AM1 AM2
	3.3. Tác động của thất nghiệp 3.3.1. Đối với thất nghiệp tự nhiên 3.3.2. Đối với thất nghiệp chu kỳ	CLO3, CLO5, CLO6	Nghiên cứu trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) - Nghe giảng/ Ghi chú/Suy nghĩ/Trả lời	AM1 AM3 AM8
16-20 (5 giờ TC)	Chương IV: Hệ thống tiền tệ và các công cụ điều tiết cung tiền			
	4.1. Tiền tệ và các loại tiền trong	CLO1,		AM1

	nền kinh tế 4.1.1. Tiền và chức năng của tiền 4.1.2. Các loại tiền và đo lường khối lượng tiền 4.2. Hệ thống ngân hàng và cung tiền 4.2.1. Tiền cơ sở và cung tiền 4.2.2. Quá trình tạo tiền của ngân hàng 4.2.3. Mô hình cung tiền	CLO2, CLO3	Dạy: Thuyết giảng/ Giải thích/ Câu hỏi gợi mở/Hướng dẫn làm bài tập ở nhà Học: - Bài tập ở nhà:	AM2
	4.3. Ngân hàng trung ương và các công cụ điều tiết cung tiền 4.3.1. Hoạt động của ngân hàng trung ương 4.3.2. Các công cụ điều tiết cung tiền của ngân hàng trung ương.	CLO2, CLO3, CLO5	Nghiên cứu trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) - Nghe giảng/ Ghi chú/Suy nghĩ/Trả lời/ Làm bài	AM1 AM2
21-27 (7 giờ TC)	Chương V: Tổng cầu và tổng cung			
	5.1. Tổng cầu và tổng cung của nền kinh tế 5.1.1. Tổng cầu của nền kinh tế 5.1.2. Tổng cung của nền kinh tế 5.1.3. Xác định sản lượng và mức giá cân bằng	CLO1, CLO2, CLO3	Dạy: Thuyết giảng/ Giải thích/ Câu hỏi gợi mở/Hướng dẫn làm bài tập ở nhà Học: - Bài tập ở nhà:	AM1 AM2
	5.2. Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn 5.2.1. Ảnh hưởng của dịch chuyển tổng cầu 5.2.2. Ảnh hưởng của dịch chuyển tổng cung	CLO2, CLO3, CLO5	Nghiên cứu trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) - Nghe giảng/ Ghi chú/Suy nghĩ/Trả lời/ Làm bài	AM1 AM2
	Nghiên cứu, phân tích một số tình huống gây ra biến động kinh tế vĩ mô	CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: Chia nhóm/ Tình huống thảo luận/ Đánh giá kết quả làm	AM1 AM3 AM8

			việc nhóm Học: Làm việc nhóm/Thuyết trình kết quả nhóm	
28-36 (9 giờ TC)	Chương VI: Ảnh hưởng của chính sách tài khóa đến tổng cầu			
	6.1. Lý thuyết của Keynes và ảnh hưởng đến tổng cầu 6.1.1. Các giả thiết của Keynes 6.1.2. Đường tổng chi tiêu và ảnh hưởng đến tổng cầu	CLO1, CLO2	Dạy: Thuyết giảng/ Giải thích/ Câu hỏi gọi mở/Hướng dẫn	AM1 AM2
	6.1.3. Mô hình xác định sản lượng cân bằng	CLO1, CLO2, CLO3	làm bài tập ở nhà	AM1 AM2
	6.2. Chính sách tài khóa 6.2.1. Chính sách tài khóa 6.2.2. Ảnh hưởng của chính sách tài khóa tới tổng cầu 6.2.3. Cơ chế tự ổn định 6.2.4. Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Học: - Bài tập ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) - Nghe giảng/ Ghi chú/Suy nghĩ/Trả lời/ Làm bài	AM1 AM3 AM8
37 (1 giờ TC)	Kiểm tra quá trình			AM4 AM5
38-42 (5 giờ TC)	Chương VII: Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ đến tổng cầu			
	7.1. Lý thuyết ra thích thanh khoản 7.1.1. Cung tiền và các nhân tố quyết định cung tiền 7.1.2. Cầu tiền và các nhân tố quyết định cầu tiền 7.1.3. Cân bằng trên thị trường tiền tệ	CLO1, CLO2	Dạy: Thuyết giảng/ Giải thích/ Câu hỏi gọi mở/Hướng dẫn làm bài tập ở nhà	AM1 AM2
	7.2. Tác động của chính sách tiền tệ 7.2.1. Chính sách tiền tệ 7.2.2. Ảnh hưởng của lãi suất đến tổng cầu 7.2.3. Ảnh hưởng của chính sách	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Học: - Bài tập ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2)	AM1 AM3 AM8

	tiền tệ đến sản lượng và giá cả		- Nghe giảng/ Ghi chú/Suy nghĩ/Trả lời/ Làm bài	
43-45 (3 giờ TC)	Chương VIII: Lạm phát			
	8.1. Lạm phát và nguyên nhân của lạm phát 8.1.1. Lạm phát và đo lường lạm phát 8.1.2. Phân loại lạm phát và nguyên nhân của lạm phát	CLO1, CLO2	Dạy: - Thuyết giảng/ Giải thích/ Câu hỏi gợi mở Học: - Bài tập ở nhà:	AM1 AM2
	8.2. Tổn thất do lạm phát 8.2.1. Lạm phát và chi phí 8.2.2. Lạm phát và phân bổ nguồn lực 8.2.3. Lạm phát và thuế 8.2.4. Lạm phát và phân phối của cải 8.3. Mối quan hệ lạm phát và thất nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3	- Nghiên cứu trước tài liệu (TL1); Làm bài tập (TL2) - Nghe giảng/Suy nghĩ/Trả lời/Ghi chú	AM1 AM2
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR môn học (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO1, CLO2	5%
		AM2	CLO1, CLO2, CLO3	5%
		AM3; AM8	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4; AM5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4; AM5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1]. Hoàng Thanh Tùng, Lương Xuân Dương (2019), <i>Giáo trình Kinh tế vĩ mô</i> , NXB Bách Khoa [2]. Lương Xuân Dương (2012), <i>Bài tập kinh tế vĩ mô</i> , NXB Lao động – Xã hội, NXB Lao động – Xã hội		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[3]. Nguyễn Văn Công (2012), <i>Giáo</i>		

		<i>trình nguyên lý Kinh tế vĩ mô</i> , NXB Lao động.	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Chương I: Tổng quan về kinh tế học vĩ mô 1.1. Tổng quan về kinh tế học 1.2. Đối tượng, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu kinh tế vĩ mô	6	- Nghiên cứu trước nội dung chương I (TL1) - Tìm hiểu thêm tài liệu (TL3)
	Chương II: Các chỉ số kinh tế vĩ mô 2.1. Tổng sản phẩm trong nước 2.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	18	- Nghiên cứu trước nội dung chương II (TL1) - Làm bài tập Chương I (TL2) - Tìm hiểu thêm tài liệu (TL3)
	Chương III: Thất nghiệp 3.1. Thất nghiệp và đo lường thất nghiệp 3.2. Phân loại thất nghiệp và nguyên nhân 3.3. Tác động của thất nghiệp	6	- Nghiên cứu trước nội dung của chương III (TL1) - Làm bài tập chương II (TL2) - Tìm hiểu thêm tài liệu (TL3)
	Chương IV: Hệ thống tiền tệ và các công cụ điều tiết cung tiền 4.1. Tiền tệ và các loại tiền trong nền kinh tế 4.2. Hệ thống ngân hàng và cung tiền 4.3. Ngân hàng trung ương và các công cụ điều tiết cung tiền	10	- Nghiên cứu trước nội dung của chương IV (TL1) - Làm bài tập chương III (TL2) - Tìm hiểu thêm tài liệu (TL3)
	Chương V: Tổng cầu và tổng cung 5.1. Tổng cầu và tổng cung của nền kinh tế 5.2. Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn	14	- Nghiên cứu trước nội dung của chương V (TL1) - Làm câu hỏi ôn tập chương IV (TL1) - Tìm hiểu thêm tài liệu (TL3)
	Chương VI: Ảnh hưởng của chính sách tài khóa đến tổng cầu 6.1. Lý thuyết của Keynes và ảnh hưởng đến tổng cầu 6.2. Chính sách tài khóa	18	- Nghiên cứu trước nội dung của chương VI (TL1) - Làm bài tập chương V (TL2) - Tìm hiểu thêm tài liệu

			(TL3)
	Chương VII: Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ đến tổng cầu 7.1. Lý thuyết ưa thích thanh khoản 7.2. Tác động của chính sách tiền tệ	12	- Nghiên cứu trước nội dung của chương VII (TL1) - Làm bài tập VI (TL2) - Tìm hiểu thêm tài liệu (TL3)
	Chương VIII: Lạm phát 8.1. Lạm phát và nguyên nhân của lạm phát 8.2. Tồn thất do lạm phát 8.3. Mối quan hệ lạm phát và thất nghiệp	6	- Nghiên cứu trước nội dung của chương VIII (TL1) - Làm bài tập chương VII (TL2) - Tìm hiểu thêm tài liệu (TL3)
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Thị Vân Anh	Tiến sĩ	Kinh tế
	Vũ Thị Thu Hằng	Tiến sĩ	Kinh tế
	Tăng Anh Cường	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Triệu Linh Giang	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Đào Thị Thu Hiền	Thạc sỹ	Kinh tế phát triển
	Bùi Thị Hồng Nhung	Thạc sỹ	Quản trị nhân lực
	Trần Thị Kim Nhung	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Thị Phương Lan	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Đỗ Thị Mỹ Trang	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Hoàng Thanh Tùng	Tiến sĩ	Kinh tế
	Nguyễn Xuân Hường	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Lương Xuân Dương	Tiến sĩ	Kinh tế
	Doãn Thị Mai Hương	Tiến sĩ	Kinh tế
	Đinh Quốc Tuyền	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
	Lê Thị Minh Tuyền	Thạc sỹ	Kinh tế

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng